



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 4103006066 ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 ngày 6 tháng 7 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa 3241/QD-BCN ngày 14 tháng 11 năm 2006

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên
Ông Diệu Chí Hào	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Phương	Thành viên
Ông Lê Thiết Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thiết Hùng	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

127 Đường Lê Văn Chí
Phường Linh Trung
Quận Thủ Đức
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-148-4



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Tú

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2193-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		686.970.169.095	581.426.131.571
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	137.946.407.677	30.006.998.955
Tiền	111		64.446.407.677	30.006.998.955
Các khoản tương đương tiền	112		73.500.000.000	-
Các khoản phải thu	130		246.375.935.404	228.054.375.285
Phải thu khách hàng	131	6	230.420.058.776	216.147.465.884
Trả trước cho người bán	132		2.805.890.463	3.017.320.943
Phải thu khác	136	7	13.621.553.595	8.889.588.458
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(471.567.430)	-
Hàng tồn kho	140	8	302.479.477.818	300.868.718.982
Hàng tồn kho	141		304.262.447.627	300.868.718.982
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.782.969.809)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		168.348.196	22.496.038.349
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		158.652.156	862.310.292
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.696.040	21.633.142.948
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	585.109

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		710.748.472.627	762.053.430.281
Tài sản cố định	220		572.439.945.008	601.720.469.161
Tài sản cố định hữu hình	221	9	572.439.945.008	601.720.469.161
Nguyên giá	222		1.040.790.462.705	1.021.178.429.043
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(468.350.517.697)	(419.457.959.882)
Bất động sản đầu tư	230	10	42.701.172.895	353.640.215
Nguyên giá	231		70.468.849.375	26.436.678.414
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.767.676.480)	(26.083.038.199)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.661.750.000	61.427.142.111
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.661.750.000	61.427.142.111
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	88.549.470.627	94.049.470.627
Đầu tư vào công ty con	251		77.890.684.464	77.890.684.464
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.600.000.000	9.100.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		4.396.134.097	4.502.708.167
Chi phí trả trước dài hạn	261		4.396.134.097	4.502.708.167
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.397.718.641.722	1.343.479.561.852

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		862.809.657.825	862.102.769.970
Nợ ngắn hạn	310		702.373.403.095	636.984.636.701
Phải trả người bán	311	13	80.411.870.396	60.707.183.179
Người mua trả tiền trước	312		2.041.216.993	3.459.571.986
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.795.924.723	4.858.958.445
Phải trả người lao động	314		23.964.677.809	20.432.185.200
Chi phí phải trả	315		884.257.534	1.289.590.929
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	54.014.472.571	42.972.910.075
Vay ngắn hạn	320	16(a)	532.174.863.739	499.756.183.221
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.086.119.330	3.508.053.666
Nợ dài hạn	330		160.436.254.730	225.118.133.269
Phải trả dài hạn khác	337		1.476.301.000	-
Vay dài hạn	338	16(b)	158.959.953.730	225.118.133.269
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		534.908.983.897	481.376.791.882
Vốn chủ sở hữu	410	17	534.908.983.897	481.376.791.882
Vốn cổ phần	411	18	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	53.396.822.577	53.396.822.577
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		268.449.434.047	214.917.242.032
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.397.718.641.722	1.343.479.561.852

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.783.091.529.728	1.637.385.680.873
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	2.248.472.707	206.005.900
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	1.780.843.057.021	1.637.179.674.973
Giá vốn hàng bán	11	23	1.581.856.289.646	1.466.701.926.600
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		198.986.767.375	170.477.748.373
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	23.269.263.154	10.668.864.332
Chi phí tài chính	22	25	31.139.066.538	46.451.319.642
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.803.254.676	27.210.363.305
Chi phí bán hàng	24	26	13.473.216.163	12.232.705.103
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27	49.153.121.666	46.515.747.892
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		128.490.626.162	75.946.840.068
Thu nhập khác	31	28	10.199.980.260	607.172.377
Chi phí khác	32	29	3.890.742.678	2.231.263.154
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.309.237.582	(1.624.090.777)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		134.799.863.744	74.322.749.291
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	26.076.569.820	20.500.711.121
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		108.723.293.924	53.822.038.170

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		134.799.863.744	74.322.749.291
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		87.560.193.269	81.935.870.844
Các khoản dự phòng	03		2.254.537.239	(666.269.563)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.980.472.247	663.874.620
Lãi từ hoạt động đầu tư			(21.279.518.655)	(6,933,042,706)
Chi phí lãi vay	06		24.803.254.676	27.210.363.305
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		230.118.802.520	176.533.545.791
Biến động các khoản phải thu	09		11.013.906.196	(31.197.145.386)
Biến động hàng tồn kho	10		(3.393.728.645)	22.652.624.224
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		25.378.863.435	(49.920.340.995)
Biến động chi phí trả trước	12		810.232.206	(1.133.043.635)
			263.928.075.712	116.935.639.999
Tiền lãi vay đã trả	14		(24.803.254.676)	(27.210.363.305)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.780.519.116)	(20.822.716.004)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.000.000	15.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.123.036.245)	(9.774.906.193)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		209.231.265.675	59.142.654.497

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(45.470.948.611)	(93.375.979.237)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		8.068.075.717	2.174.705.414
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(23.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		2.000.000.000	23.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		11.000.000.000	987.701.038
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		3.460.789.530	12.224.863.716
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(22.942.083.364)	(78.488.709.069)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.102.705.289.938	1.166.636.700.899
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.139.950.467.130)	1.123.844.862.117
Tiền trả cổ tức	36		(41.829.668.625)	(52.470.251.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(79.074.845.817)	(9.678.412.593)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

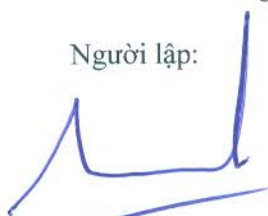
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		107.214.336.494	(29.024.467.165)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		30.006.998.955	58.869.488.835
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		725.072.228	161.977.285
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	137.946.407.677	30.006.998.955

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thiết Hùng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 1.286 nhân viên (1/1/2016: 1.445 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua/chuyên khoản/bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm

(g) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 16 năm
-----------	------------

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Doanh thu lãi tiền gửi

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư và các công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.527.997.474.485	1.343.568.335.833	252.845.582.536	293.611.339.140	1.780.843.057.021	1.637.179.674.973
Chi tiêu vốn	45.470.948.611	93.375.979.237	-	-	45.470.948.611	93.375.979.237
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản của bộ phận	1.397.718.641.722	1.343.479.561.852	-	-	1.397.718.641.722	1.343.479.561.852

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	523.180.500	651.183.500
Tiền gửi ngân hàng	63.923.227.177	29.355.815.455
Các khoản tương đương tiền	73.500.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	137.946.407.677	30.006.998.955

6. Phải thu khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Hyopshin	13.544.675.044	31.552.187.942
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Quế Hương	23.396.805.934	30.530.348.917
Các khách hàng khác	193.478.577.798	154.064.929.025
	<hr/>	<hr/>
	230.420.058.776	216.147.465.884

(b) Phải thu khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty con – Công ty Cổ phần May Việt Thắng	1.192.141.004	461.741.427
Công ty liên kết – Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	825.226.558	944.365.623
Các bên liên quan khác:		
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	7.620.052.565	7.100.882.915
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	990.079.793	1.389.836.006
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	556.087.620	117.647.145
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Dự phòng phải thu khó đòi phản ánh dự phòng lập trong năm.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải thu	11.723.609.500	4.693.438.000
Các khoản phải thu từ các bên liên quan	149.445.288	1.651.825.905
Lãi tiền gửi phải thu	829.620.834	-
Tạm ứng	-	501.000.000
Ký cược, ký quỹ	-	698.727.290
Phải thu khác	918.877.973	1.344.597.263
	13.621.553.595	8.889.588.458

Cổ tức phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	40.078.641.009	-	13.428.139.483	-
Nguyên vật liệu	49.296.811.225	-	54.653.968.804	-
Công cụ và dụng cụ	92.183.028	-	68.230.337	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.044.002.585	-	44.974.580.100	-
Thành phẩm	180.042.933.410	1.782.969.809	187.299.744.513	-
Hàng hóa	707.876.370	-	444.055.745	-
	304.262.447.627	1.782.969.809	300.868.718.982	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thành phẩm với giá gốc là 5.033 triệu VND (1/1/2016: không) được lập dự phòng với giá trị là 1.782 triệu (1/1/2016: không).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh dự phòng lập trong năm.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	126.877.068.976	884.838.490.288	8.831.331.415	631.538.364	1.021.178.429.043
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.565.695.447	58.603.474.314	-	35.000.000	60.204.169.761
Thanh lý	-	(35.238.964.431)	-	-	(35.238.964.431)
Xóa sổ	(1.698.440.000)	(3.654.731.668)	-	-	(5.353.171.668)
Số dư cuối năm	126.744.324.423	904.548.268.503	8.831.331.415	666.538.364	1.040.790.462.705
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	49.836.008.107	362.763.798.269	6.415.291.308	442.862.198	419.457.959.882
Khấu hao trong năm	6.513.472.863	78.556.981.989	714.135.088	90.965.048	85.875.554.988
Thanh lý	-	(34.720.754.959)	-	-	(34.720.754.959)
Xóa sổ	(1.671.075.544)	(591.166.670)	-	-	(2.262.242.214)
Số dư cuối năm	54.678.405.426	406.008.858.629	7.129.426.396	533.827.246	468.350.517.697
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	77.041.060.869	522.074.692.019	2.416.040.107	188.676.166	601.720.469.161
Số dư cuối năm	72.065.918.997	498.539.409.874	1.701.905.019	132.711.118	572.439.945.008

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 136.816 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 151.066 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 446.022 triệu VND (1/1/2016: 355.820 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	26.436.678.414
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	44.032.170.961
	<hr/>
Số dư cuối năm	70.468.849.375
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	26.083.038.199
Khấu hao trong năm	1.684.638.281
	<hr/>
Số dư cuối năm	27.767.676.480
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	353.640.215
Số dư cuối năm	42.701.172.895
	<hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	61.427.142.111	84.584.761.568
Tăng trong năm	45.470.948.611	93.375.979.237
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(60.204.169.761)	(116.533.598.694)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(44.032.170.961)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.661.750.000	61.427.142.111

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Nhà kho xưởng cơ khí	-	24.230.000.000
Lò hơi	-	4.506.701.980
Máy kéo sợi con	-	32.690.440.131
Máy chải thô	2.661.750.000	-
	<hr/>	<hr/>
	2.661.750.000	61.427.142.111

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016						1/1/2016					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con												
• Công ty Cổ phần May Việt Thắng	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)
				77.890.684.464	-					77.890.684.464	-	

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2016						1/1/2016					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)
				<u>16.058.786.163</u>	<u>(9.000.000.000)</u>					<u>16.058.786.163</u>	<u>(9.000.000.000)</u>	

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2016					1/1/2016						
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác												
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	-	-		-	-		550.000	5,00%		5.500.000.000	-	(*)
				3.600.000.000	-					9.100.000.000	-	
				97.549.470.627	(9.000.000.000)					103.049.470.627	(9.000.000.000)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	9.000.000.000	9.681.235.129
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(681.235.129)
	9.000.000.000	9.000.000.000

13. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	11.748.356.608	11.748.356.608	12.060.255.177	12.060.255.177
Công ty TNHH Dệt Việt Phú PT. Indorama Polychem Indonesia	11.028.607.670	11.028.607.670	22.941.861.281	22.941.861.281
OSC Cotton Trading L.L.C.	-	-	8.586.270.212	8.586.270.212
Pan Agri Export	19.621.185.645	19.621.185.645	-	-
Các nhà cung cấp khác	11.209.001.694	11.209.001.694	-	-
	26.804.718.779	26.804.718.779	17.118.796.509	17.118.796.509
	80.411.870.396	80.411.870.396	60.707.183.179	60.707.183.179

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	80.411.870.396	80.411.870.396	60.707.183.179	60.707.183.179

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An – công ty con	11.748.356.608	11.748.356.608	12.060.255.177	12.060.255.177
Công ty TNHH Dệt Việt Phú – bên liên quan khác	11.028.607.670	11.028.607.670	22.941.861.281	22.941.861.281

Khoản phải trả công ty con và bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	10.571.356.935	(8.338.533.777)	2.232.823.158
Thuế xuất nhập khẩu	-	27.141.739.073	(27.141.739.073)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.103.004.998	26.076.569.820	(26.780.519.116)	3.399.055.702
Thuế thu nhập cá nhân	749.183.767	1.972.427.338	(2.565.661.442)	155.949.663
Thuế tài nguyên	6.769.680	77.094.560	(75.768.040)	8.096.200
Tiền thuê đất	-	8.779.694.952	(8.779.694.952)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	4.858.958.445	74.621.882.678	(73.684.916.400)	5.795.924.723

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn	331.201.080	252.783.110
Bảo hiểm xã hội	-	14.273.452
Cổ tức phải trả	52.898.795.000	42.228.463.625
Các khoản phải trả khác	784.476.491	477.389.888
	54.014.472.571	42.972.910.075

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	459.560.415.381	459.560.415.381	1.101.638.498.968	(1.062.591.259.290)	498.607.655.059	498.607.655.059
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	40.195.767.840	40.195.767.840	70.730.648.680	(77.359.207.840)	33.567.208.680	33.567.208.680
	499.756.183.221	499.756.183.221	1.172.369.147.648	(1.139.950.467.130)	532.174.863.739	532.174.863.739

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)				
Khoản vay 1	VND	4,8% - 5,0%	223.470.445.125	180.114.235.567
Khoản vay 2	USD	2,0%	58.158.001.096	30.390.302.436
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)				
Khoản vay 3	VND	4,8%	52.958.949.472	98.878.954.392
Khoản vay 4	USD	-	-	5.985.683.132
Ngân hàng Quốc Tế				
Khoản vay 5	USD	1,9%	10.876.612.051	70.322.398.234
Khoản vay 6		4,5%	36.284.997.580	-
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng				
Khoản vay 7	USD	1,7% - 2,2%	37.629.883.756	22.134.282.394
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 8	USD	2,0%	4.602.196.419	27.181.122.941
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Khoản vay 9	VND	4,6% - 4,8%	74.626.569.560	24.553.436.285
			498.607.655.059	459.560.415.381

(*) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 201.219 triệu VND (1/1/2016: 227.178 triệu) (Thuyết minh 9).

(**) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 20.430 triệu VND (1/1/2016: 19.207 triệu VND) (Thuyết minh 9).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	192.527.162.410	265.313.901.109
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)	(33.567.208.680)	(40.195.767.840)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	158.959.953.730	225.118.133.269
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn là như sau:

				31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	USD	4,0%	2022	78.805.062.410	118.134.762.920
Ngân hàng Quốc Tế (**)	USD	4,1% - 4,3%	2020	113.722.100.000	147.179.138.189
				<hr/>	<hr/>
				192.527.162.410	265.313.901.109
				<hr/>	<hr/>

(*) Khoản vay được hoàn trả trong nhiều kỳ bắt đầu từ tháng 6 năm 2015 và hoàn trả hết vào tháng 6 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 52.399 triệu VND (1/1/2016: 5.359 triệu VND) (Thuyết minh 9).

(**) Khoản vay được hoàn trả trong 20 kỳ bắt đầu sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn cuối cùng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 171.974 VND (1/1/2016: 104.076 triệu VND) (Thuyết minh 9).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	213.861.483.226	480.321.033.076
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	53.822.038.170	53.822.038.170
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(9.516.279.364)	(9.516.279.364)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(43.250.000.000)	(43.250.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	214.917.242.032	481.376.791.882
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	108.723.293.924	108.723.293.924
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.691.101.909)	(2.691.101.909)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(52.500.000.000)	(52.500.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	268.449.434.047	534.908.983.897

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

19. Cổ tức

Cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 12 tháng 12 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016 (2015: 42.000 triệu VND).

20. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	169.234	3.841.622.242	209.095	4.694.188.812

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.171.323.396.940	1.136.453.823.344
▪ Bán hàng hóa	446.409.070.236	448.227.529.984
▪ Bán phế liệu	21.799.408.800	22.160.555.427
▪ Cung cấp dịch vụ	24.138.851.229	20.140.311.654
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	14.695.145.653	10.403.460.464
▪ Chuyển nhượng dự án bất động sản	104.725.656.870	-
	1.783.091.529.728	1.637.385.680.873
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(486.641.190)	(206.005.900)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.761.831.517)	-
	(2.248.472.707)	(206.005.900)
Doanh thu thuần	1.780.843.057.021	1.637.179.674.973

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Giá vốn hàng bán**

	2016 VND	2015 VND
Thành phẩm đã bán	1.013.753.665.005	977.753.504.742
Hàng hoá đã bán	440.102.130.979	446.929.103.249
Phế liệu đã bán	20.719.732.454	21.153.600.477
Dịch vụ đã cung ứng	22.615.242.288	18.599.752.649
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	4.939.862.050	2.265.965.483
Giá vốn dự án bất động sản	79.725.656.870	-
	<hr/> 1.581.856.289.646	<hr/> 1.466.701.926.600

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Thu nhập cổ tức	10.392.687.500	4.693.438.000
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	2.070.415.110	2.043.688.078
Lãi tiền gửi ngân hàng	927.894.364	1.418.682.647
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	5.500.000.000	237.701.038
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.378.266.180	2.275.354.569
	<hr/> 23.269.263.154	<hr/> 10.668.864.332

25. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	24.803.254.676	27.210.363.305
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.335.811.862	19.921.874.912
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(681.235.129)
Khác	-	316.554
	<hr/> 31.139.066.538	<hr/> 46.451.319.642

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí bán hàng

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.168.763.971	1.190.149.200
Chi phí khấu hao	1.176.617.869	994.494.804
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	278.448.609	660.807.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.676.209.634	3.452.553.134
Chi phí bán hàng khác	8.173.176.080	5.934.700.179
	13.473.216.163	12.232.705.103

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.144.463.935	19.040.446.463
Chi phí vật liệu quản lý	2.056.534.174	4.348.869.700
Chi phí thuế, phí và lệ phí	7.958.780.867	7.049.586.267
Chi phí khấu hao	1.706.650.802	2.624.613.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.684.027.447	5.518.083.502
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.602.664.441	7.934.148.239
	49.153.121.666	46.515.747.892

28. Thu nhập khác

	2016	2015
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	7.549.866.245	583.221.021
Thu nhập khác	2.650.114.015	23.951.356
	10.199.980.260	607.172.377

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã xóa sổ	3.090.929.454	-
Chi phí khác	799.813.224	2.231.263.154
	3.890.742.678	2.231.263.154

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành	25.290.541.125	15.671.339.437
Dự phòng thiếu trong những năm trước	786.028.695	4.829.371.684
	26.076.569.820	20.500.711.121

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	134.799.863.744	74.322.749.291
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	26.959.972.749	16.351.004.844
Chi phí không được khấu trừ thuế	409.105.876	854.094.180
Thu nhập không bị tính thuế	(2.078.537.500)	(1.038.814.708)
Ưu đãi thuế	-	(494.944.879)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	786.028.695	4.829.371.684
	26.076.569.820	20.500.711.121

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.282.006.537.753	1.287.517.334.828
Chi phí nhân công	144.569.231.261	136.752.149.589
Chi phí khấu hao	87.560.193.269	81.935.870.844
Chi phí khác	158.979.371.870	157.246.359.546

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Công ty con		
Công ty cổ phần May Việt Thắng		
Bán thành phẩm	2.707.196.576	5.274.923.802
Doanh thu gia công	-	2.305.500
Thu nhập cho thuê	1.949.280.001	1.843.672.728
Thu nhập khác	7.387.458.109	6.426.925.186
Mua hàng hóa	105.103.357	472.254.263
Thu nhập cổ tức	2.613.437.500	2.613.438.000
Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An		
Bán thành phẩm	1.855.849.075	1.414.232.810
Thu nhập khác	1.443.553.640	727.127.602
Mua hàng hóa	1.346.856.206	29.693.455.149
Mua hàng gia công	117.786.486.130	86.321.983.781
Mua khác	407.005.927	459.929.793
Thu nhập cổ tức	5.699.250.000	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty liên doanh và liên kết		
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I		
Thu nhập cho thuê	1.005.120.000	1.500.000.000
Thu nhập khác	3.122.308.925	2.708.099.116
Phân phối cổ tức	1.000.000.000	800.000.000
Nhận cổ tức	1.000.000.000	1.000.000.000
Mua hàng hóa	18.550.000	333.258.150
Cho vay	2.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	9.458.334	-
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		
Bán thành phẩm	140.532.242.201	99.416.713.362
Bán hơi	6.455.288.430	5.742.445.375
Thu nhập cho thuê	5.060.045.456	5.060.045.456
Thu nhập khác	2.805.700.997	730.050.879
Mua hàng hóa	533.301.064.611	432.850.728.684
Lãi trả chậm	-	515.360.677
Thu nhập cổ tức	1.080.000.000	1.080.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Phí thành viên	-	491.142.200
Phân phối cổ tức	24.637.500.000	19.710.000.000
Phí kiểm toán	268.181.818	-
Phí quảng cáo	52.363.636	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán thành phẩm	46.196.595.599	39.339.621.106
Doanh thu gia công	-	160.450.500
Dịch vụ gia công	1.422.020.625	1.919.821.860
Mua hàng hóa	4.291.439.817	-
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam		
Bán thành phẩm	1.786.447.000	-
Mua hàng hóa	2.177.904.168	580.561.174

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán thành phẩm	7.987.075.859	3.865.622.681
Doanh thu gia công	-	467.740.575
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán thành phẩm	2.871.079.823	2.526.522.500
Doanh thu gia công	-	5.682.000
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3		
Bán thành phẩm	-	266.095.000
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý		
Lương và thưởng	4.337.561.000	4.046.150.000

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc